

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐPTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/05/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD1	7:25	4+17	0+0		2+20	0+0	
2		P11+C10	7:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
3		P10+BK15	7:25	11+11	0+0		10+12	0+0	
4		TD2	7:25	21	0		22	0	
5		P9+P2	9:25	13+9	0+0		10+12	0+0	
6		P2+TD3+TD2	9:25	20+2+0	0+0+0		12+8+4	0+0+0	
7		P11+BK5+BK3	9:25	15+0+6	0+0+0		12+0+9	0+0+0	CHUYEN 4 BK5-BK3
8		TD1+BK10+P10	9:25	2+8+12	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
9		P9	11:25	22	0		22	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2024	TO: TD3 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DUY KHANH	TD3	42	1	9	8	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG DAN	TD3	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TUAN	TD3	40	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TONG TRUNG HUY	TD3	26	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN MANH CUONG	TD1	46	1	10	138	70	SEAMAP	Vietnamese
6	LE XUAN DUC	TD1	45	1	7	10	57	SEAMAP	Vietnamese
7	STESHIN VALERITY	TD1	44	1	20		163	KHOAN	Russian
8	PHAN VIET HUNG	TD1	52	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM CONG TIEN	TD1	59	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	MAI XUAN TUNG	TD1	51	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
11	QUACH VAN THANG	TD1	57	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DUC CUONG	TD1	55-56	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
13	DOAN VAN TRUONG	TD1	53-54	2	10		74	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG XUAN THI	TD1	49	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN BAO	TD1	47	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
16	Dinh Van Dien	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG VAN MINH	TD1	58	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
18	VU MANH HAI	TD1	48	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN QUANG SANG	TD1	50	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG MINH DUNG	TD1	40-41	2	14		72	GPWS	Vietnamese
21	TRUONG QUANG NAM	TD1	42-43	2	20		91	GPWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	4	28	275	8	2		
2	TD1	17	20	136	1.313	148	20		
TOTAL		21	24	164	1.588	156	22		
WEIGHT KG				164	1.588	156			

GRAND TOAL: 1.908 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 1	TO: P11 - CLO	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG -	ETA: 09:35
TRANG-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KIM SON	P11	56	1	3	15	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRỌNG BANG	P11	57-58	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO THIÊN THUẬT	P11	64	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG CONG PHUNG	P11	59-60	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH THIÊN TUNG	P11	65	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MANH TRUONG	P11	61	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN CONG HUY	P11	69-70	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN HÌNH	P11	62	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC TIEN	P11	63	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NGHĨA	P11	66	1	16		83	DVL	Vietnamese
11	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	12	1	3	80	76	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN CONG PHU	CLO	30	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG THANH	CLO	11	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	34	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MINH TUNG	CLO	33	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN KIM HUNG	CLO	10	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN BUI QUANG	CLO	29	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	SUKHOMLIN IGOR	CLO	06	1	3		125	KHOAN	Russian
19	NGHIEM XUAN VIET	CLO	31-32	2	13		61	KHOAN	Vietnamese
20	SEREBROV IGOR	CLO	07	1	10		80	VTB	Russian
21	NGÔ THẾ ANH	CLO	08	1	6		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TUAN	CLO	09	1	6		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	10	13	89	730	15	8		
2	CLO	12	13	78	909	80	14		
TOTAL		22	26	167	1.639	95	22		
WEIGHT KG				167	1.639	95			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2024	TO: P10 - BK15	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Sơn - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC PHI	P10	85	1	5	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE QUY TOAN	P10	89-90	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
3	IAKIMIDI R.	P10	80	1	10		109	KH-THAC	Russian
4	TRAN VAN THANG	P10	87	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN HUONG	P10	84	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
6	LE THANH LIEM	P10	79	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THAO	P10					71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TIEN PHUONG	P10	81	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC KHANH	P10	78	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CUONG	P10	88	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHANH TOAN	P10	86	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG DAO	P10	82-83	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HUU CHINH	BK15	98	1	4	50	66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HAU	BK15	90	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN QUANG HOANG	BK15	88	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU TIEN THANH	BK15	93	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI TIEN THANH	BK15	91-92	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG XUAN THAI	BK15	89	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC TUAN	BK15	99,300	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THAI BINH	BK15	96-97	2	14		73	XAYLAP	Vietnamese
21	MAI DUY TAN	BK15	94-95	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG VAN PHUONG	BK15	71	1	6		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	12	13	93	905	30	10		
2	BK15	10	14	93	723	50	12		
TOTAL		22	27	186	1.628	80	22		
WEIGHT KG				186	1.628	80			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2024	TO: TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Linh - N.Cuong - Tú	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EVGENII MALYGIN	TD2	19-20	2	18		87	NOVOMET	Russian
2	TACHE BOGDAN IONUT	TD2	21	1	25	35	140	NOVOMET	Romania
3	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	90	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ THẬP TOÀN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG XUÂN KIẾN	TD2	95	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	98	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ MINH ĐỨC	TD2	92	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH VĂN TÀI	TD2	88	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	94	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH DUY HAI	TD2	99	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
12	HÀ VĂN LINH	TD2	18	1	10	20	98	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	91	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	84	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	89	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN MINH	TD2	96	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
17	CÙ THANH NHAN	TD2	87	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
18	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	16	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ VĂN THUY	TD2	93	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ ANH TUẤN	TD2	97	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH BÌNH	TD2	86	1	6		85	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	21	157	1.573	55	22		
TOTAL		21	21	157	1.573	55	22		
WEIGHT KG				157	1.573	55			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2024	TO: P9 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	74	1	7	45	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	25	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	63	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TÂN	P9	300	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA KỲ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH HOÀI	P9	65	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HÒA	P9	20	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ ĐỨC HIẾN	P9	45-46	2	17		56	YTE	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	22	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	21	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LĂNG TÚ	P9	71	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NAM GIANG	P9	23	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	24	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG NINH	P2				40	66	KHI	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC HOÀNG	P2	71-72	2	15		70	KHI	Vietnamese
16	DƯƠNG CHI TUYẾN	P2	64	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	67	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	66	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	65	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ CÔNG ANH	P2	69	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN NAM	P2	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	BIỆN ĐẶNG SÂM	P2	70	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	13	13	85	921	45	10		
2	P2	9	9	56	589	40	12		
TOTAL		22	22	141	1.510	85	22		
WEIGHT KG				141	1.510	85			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2024	TO: P2 - TD3 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Sơn - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	80	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	99	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH BA HOÀNG NAM	P2	81	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI HOÀNG TÂM	P2	95	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THIÊN NAM	P2	800	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO HUY HÙNG	P2	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	92	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC MINH	P2	77-79	3	22		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN HAI	P2	75	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO QUANG HÙNG	P2	71-73	3	22		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG MINH QUÂN	P2	74	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	84	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	DOÀN VIỆT ĐÔNG	P2	98	1	12	28	75	CODIEN	Vietnamese
14	DŨ TRẦN HÙNG	P2	93	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG AN	P2	836	1	9		71	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN MINH TÂM	P2	85-86	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG THANH SƠN	P2	82	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	P2	89-90	2	15		88	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU TUÂN	P2	87-88	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI LONG HUNG	P2	91	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	HỒ VĂN ĐỨC	TD3	07	1	6	18	68	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	08	1	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	27	205	1.405	28	12		
2	TD3	2	2	14	138	18	8		
3	TD2	0	0	0	0	90	2		
TOTAL		22	29	219	1.543	136	22		
WEIGHT KG				219	1.543	136			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 7	TO: P11 - BK5 - BK3	CREW: ĐỨC - KHAI - TDUNG -	ETA: 11:55
TRANG-2		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUY BANG	P11	81-82	2	20	27	67	DVL	Vietnamese
2	TRAN BA ĐỨC	P11	76	1	12		92	DVL	Vietnamese
3	ĐOÀN PHÚC HOANG	P11	78-79	2	22		72	DVL	Vietnamese
4	PHAM VAN ĐAM	P11	80	1	8		67	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN CHI THANH	P11	71-72	2	18		53	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH HUU HIEU	P11	18-20	3	21		74	XAYLAP	Vietnamese
7	VU DINH DUONG	P11	21-22	2	23		87	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG KIEN	P11	77	1	16		63	XAYLAP	Vietnamese
9	VÔ VĂN SƠN	P11	02-03	2	18		52	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VAN CHINH	P11	17	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN VAN THOAI	P11	73	1	13		76	XAYLAP	Vietnamese
12	VAN TIEN DUAN	P11	23-24	2	23		69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HOAI	P11	74	1	5		56	PSV	Vietnamese
14	LE VAN KIEU CANH	P11	75	1	3		71	PSV	Vietnamese
15	TRAN HUNG ANH	P11	16	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	BUI TRAN VIET	BK3	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHUNG CONG DU	BK3	08	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG DINH QUE	BK3	07	1	10	64	85	KH-THAC	Vietnamese
19	LE CONG VINH	BK3	09	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN QUOC VIET	BK3	04-05	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN XUAN HOA	BK3					72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	15	23	222	1.032	27	12		CHUYEN 4 PAX BK5-BK3
2	BK5	0	0	0	0	0	0	th	
3	BK3	6	6	47	429	64	9		
TOTAL		21	29	269	1.461	91	21		
WEIGHT KG				269	1.461	91			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2024	TO: TD1 - BK10 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Linh - N.Cuong - Tú	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD1	27-28	2	11		88	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TUYẾT	TD1	26	1	12		77	DVL	Vietnamese
3	DOAN MINH DAT	TD1	25	1	15		79	DVL	Vietnamese
4	VŨ VĂN CƯỜNG	BK10	22	1	5	58	81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	18	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	21	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	20	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHAI	BK10	16	1	7	10	71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH HAI	BK10	17	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	BK10	15	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI CAO ĐỊNH	BK10	19	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN PHU	P10	94-95	2	17		86	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN VŨ KIÊN	P10	72	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	P10	99,300	2	10		95	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	75	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	35	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	96	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN BAO TOÀN	P10	36-37	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	34	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH CÔNG VĂN	P10	98	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG SY NGUYEN	P10	93	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	97	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	4	38	244	0	0		
2	BK10	8	8	59	561	68	6		
3	P10	11	14	76	850	0	16		
TOTAL		22	26	173	1.655	68	22		
WEIGHT KG				173	1.655	68			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2024	TO: P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Q.Trường	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOAI THANH	P9	53	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HUY	P9	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH THE NHAN	P9	54	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LE NGOC ANH	P9	56	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
5	HUA SAY	P9	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG ĐỨC HAI	P9	45	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRINH HUY KHIEM	P9	44	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC THANH	P9	51	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ TUẤN MẠNH	P9	41	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN ĐẠT	P9	60	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CHUÔNG	P9	31	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC HAO	P9	37-38	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ NGỌC TÂM	P9	34	1	15		91	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG NGOC SANG	P9	29-30	2	13		55	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM NGOC TUAN	P9	32-33	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRINH THANH GIANG	P9	57	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TRƯỞNG	P9	42-43	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VĂN CÔNG	P9	46-47	2	20	10	70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN NHẬT MINH	P9	35-36	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN BA BAU	P9	39-40	2	20		86	XAYLAP	Vietnamese
21	HA MANH CUONG	P9	49-50	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
22	NINH VAN SON	P9	58-59	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	31	241	1.567	10	22		
TOTAL		22	31	241	1.567	10	22		
WEIGHT KG				241	1.567	10			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN